

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐK SÂM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sâm Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Máy điều trị đa năng dùng trong VLTL và PHCN, máy trung tần đông á, máy siêu âm điều trị đa tần, máy laser nội mạch)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua Máy điều trị đa năng dùng trong VLTL và PHCN, máy trung tần đông á, máy siêu âm điều trị đa tần, máy laser nội mạch.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn

Địa chỉ: Số 83 đường Nguyễn Du, phường Sâm Sơn, tỉnh Thanh hoá

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Vũ Thị Nga - Chức vụ: Trưởng Khoa Dược – VT - TBYT

Số điện thoại: 0978614079 ; Gmail: vunga15382@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – VT – TBYT, Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn.

Địa chỉ Số 83 đường Nguyễn Du, phường Sâm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Nhận qua gmail: vunga15382@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 24 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h ngày 29 tháng 9 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục thiết bị: (Chi tiết như phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa Sâm Sơn

(Nhà cung cấp phải vận chuyển hàng tới tận kho của bệnh viện, hàng được đóng trong thùng nguyên đai kiện. Sau khi bàn giao, nghiệm thu, Nhà cung cấp lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng cho các cán bộ của đơn vị).

Sầm Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Máy điều trị đa năng dùng trong VLTL và PHCN, máy trung tần đông á, máy siêu âm điều trị đa tần, máy laser nội mạch)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua Máy điều trị đa năng dùng trong VLTL và PHCN, máy trung tần đông á, máy siêu âm điều trị đa tần, máy laser nội mạch.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn

Địa chỉ: Số 83 đường Nguyễn Du, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh hoá

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Vũ Thị Nga - Chức vụ: Trưởng Khoa Dược – VT - TBYT

Số điện thoại: 0978614079 ; Gmail: vunga15382@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – VT – TBYT, Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn.

Địa chỉ Số 83 đường Nguyễn Du, phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Nhận qua gmail: vunga15382@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 24 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h ngày 29 tháng 9 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục thiết bị: (Chi tiết như phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn

(Nhà cung cấp phải vận chuyển hàng tới tận kho của bệnh viện, hàng được đóng trong thùng nguyên đai kiện. Sau khi bàn giao, nghiệm thu, Nhà cung cấp lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng cho các cán bộ của đơn vị).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 20 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Đơn vị sẽ thanh toán cho Nhà cung cấp 100% giá trị hợp đồng sau khi Nhà cung cấp bàn giao, nghiệm thu và hoàn tất các chứng từ liên quan theo quy định của Pháp luật.
5. Các thông tin khác: Không

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; D.VTYT;



Đinh Công Hưng

Phụ lục

STT	Tên Vật Tư TBYT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	MÁY ĐIỆN TRỊ LIỆU ĐA NĂNG DÙNG TRONG VLTL VÀ PHCN 1. Cấu hình thiết bị: - Máy chính: 01 Chiếc - Dây nguồn: 01 Cái - Cáp kích thích điện: 02 Cái - Điện cực 60X40 mm: 04 Cái - Điện cực 60X60 mm: 02 Cái - Điện cực 60X120 mm: 02 Cái - Miếng đệm lót điện cực 60x40mm: 04 Cái - Miếng đệm lót điện cực 60x60mm: 02 Cái - Miếng đệm lót điện cực 60x120mm: 02 Cái - Dây co giãn 50 cm: 02 Cái - Dây co giãn 100 cm: 02 Cái - Cáp phân chia màu đen: 01 Cái - Cáp phân chia màu đỏ: 01 Cái - Cáp cắm 2mm màu đen: 01 Cái - Cáp cắm 2mm màu đỏ: 01 Cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ 2. Thông số kỹ thuật: Đầu ra : Hai kênh độc lập điều chỉnh riêng biệt các thông số và cường độ dòng điện trên mỗi kênh. 20 loại dòng điện/ dạng sóng điều trị ứng dụng trong phục hồi chức năng và điều trị đau. Chương trình lưu trữ đồ sộ cho hầu hết các bệnh lý phổ biến. Khả năng tạo mới và lưu các chương trình và chuỗi chương trình do người dùng tạo ra.	1		

STT	Tên Vật Tư BHYT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
	Khả năng gọi ngay lập tức chương trình người dùng thiết lập qua mục chọn 'favourites'. Điều trị tăng sinh môn với chương trình thiết lập sẵn. Khả năng phân tích chẩn đoán đường cong cường độ và thời gian I/T. Dữ liệu bệnh nhân lưu trữ cùng lịch sử điều trị. Đánh giá mức độ đau cho mỗi bản lưu của bệnh nhân từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc điều trị. M.P.P system: Là tổng thể chương trình tổng hợp hoặc chuỗi chương trình sẽ thay đổi tần số, thời gian xung, tần số quét, tần số nghỉ/hoạt động, cường độ và thời gian thư giãn. Toàn bộ các thông số có thể tự động được thay đổi mà không cần có sự can thiệp của kỹ thuật viên trong quá trình thay đổi đó. Màn hình rộng với đồ họa chất lượng cao giúp hiển thị thông tin tốt hơn. Các kiểu dòng điện kích thích TENS: Dòng điều trị với rất nhiều chương trình thường trú cho hầu hết các bệnh lý phổ biến với tần số : 2÷200 Hz. Thời gian xung: 50÷600 μs. - Cường độ: 0÷250 mA (Ipp). MUSCLE: Các xung 2 chiều đối xứng. Đặc trưng có 1 tập tin với 1 số chương trình dành cho sự điều trị ở các điều kiện khác nhau của cơ . Tần số : 2÷200 Hz. Thời gian: 50÷600 μs. Cường độ: 0÷250 mA (Ipp). BIPOLAR INTERFERENTIAL CURRENT: dòng điện 2 chiều có sóng vuông góc đã được điều chỉnh biên độ. Tần số sóng vuông góc: 2000 ÷ 4000 Hz. ($\pm$ 20 %). Tần số sin của sự điều chỉnh : 5÷200 Hz. Cường độ: 0÷200 mA (Ipp). TETRAPOLAR INTERFERENTIAL: Dòng điện 2 chiều đã được điều chỉnh biên độ. Tần số sóng hình Sin 2000÷10.000Hz.			

STT	Tên Vật Tư TBYT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
	Tần số sin của sự điều chỉnh 5÷200Hz, Cường độ 0÷125 mA (Ipp) BURST: Xung đối xứng hai chiều hình chữ nhật, hoạt động: 0,25s, tạm dừng: 0,75s, tần số : 2÷200 Hz. Thời gian xung: 50÷600 μs. KOTZ: Dòng điện hình sin không liên tục. Tần số sin: 1000÷2500 Hz. Tần số điều chỉnh: 5÷200 Hz. Cường độ: 0÷250 mA (Ipp). TRAEBERT: dòng điện 1 chiều, xung hình chữ nhật. Thời gian xung: 2ms. Dừng: 5ms. Cường độ: 0÷45 mA (Ip). AMF: Xung đối xứng hai chiều hình chữ nhật, tăng 2s, giảm 1s, nghỉ 2s, tần số : 2÷200 Hz. Thời gian xung: 50÷600 μs. FARADIC CURRENT: Các xung 1 chiều. Tần số: 1÷100 Hz. Cường độ: 0÷130 mA (Ip). IONTOPHORESIS: Dòng điện 1 chiều không liên tục. Tần số 8000Hz, Cường độ: 0÷30 mA (Ip). FM: Xung đối xứng hai chiều hình chữ nhật, tần số quét điều chỉnh 2÷10Hz, thời gian xung có thể điều chỉnh được, tần số : 2÷200 Hz. Thời gian xung: 50÷600 μs. DIADYNAMIC CURRENTS: 1 pha (MF), 2 pha (DF), chu kì ngắn (CP), chu kì dài (LP). Cường độ: 0÷50mA (Ip). TRIANGULAR/EXPONENTIAL PULSES: Xung hình tam giác có hướng thời gian: 1÷1000ms, nghỉ 1÷10s, Cường độ: 0÷50 mA. RECTANGULAR PULSES: Xung hình chữ nhật có hướng thời gian: 1÷1000ms, nghỉ 1÷10s, Cường độ: 0÷50 mA. AGONIST/ANTAGONIST: Xung có hướng hai chiều hình chữ nhật, kích thích chủ động/ đối kháng cơ AGONIST/ANTAGONIST WITH FARADIC CURENT: Xung đối xứng, tần số 1÷100 Hz, cường độ 0÷150mA (Ip)			

STT	Tên Vật Tư TBYT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
	AGONIST/ANTAGONIST WITH KOTZ CURENT: Hình Sin gián đoạn, tần số sin: 1000÷2500Hz, tần số điều biến 5÷200Hz, cường độ 0÷250 mA (Ipp) DIAGNOSTICS: Ghi cường độ, thời gian, tự động tính toán Rheobase, Chronaxia, định vị, vẽ biểu đồ đường cong, khả năng ghi nhớ kết quả và sao lưu và bộ nhớ. HIGH VOLTAGE MOD: Xung tăng cường gấp đôi theo một hướng. Cực: dương hoặc âm 200V trong 5KOhm, 160mA trong 500 Ohm UROLOGY: Các xung 2 chiều đối xứng. Tần số: 2 ÷ 200 Hz. Thời gian rung động: 50 ÷ 600 μs. Dòng điện lớn nhất: 250 mA (Ipp). Đặc điểm đầu ra: điện áp không đổi (CV)			
2	Máy trung tần Đông Á Thông số kỹ thuật: Kích thước vỏ hộp: Dài 33cm x cao 25cm x rộng 14cm Trọng lượng bao bì: 2.65 kg Linh kiện đi kèm: - Dây nguồn: 01 dây - Tấm điện cực: 02 đôi - Túi nhung: 01 đôi - Dây đai: 01 bộ - Cầu chì: 02 chiếc - 1 Sách hướng dẫn sử dụng. - Phác đồ điều trị: 18 phác đồ điều trị (có tiếng Việt hướng dẫn chi tiết). - Tần số sóng trung tần: 2 kHz - 6 kHz - Tần số sóng thấp tần điều chỉnh: 1 - 150 Hz - Cường độ truy xuất: 0 - 100mA - Độ ổn định cường độ truy xuất : $\leq \pm 5\%$ - Điện áp nguồn: 220V$\pm$22V / 50Hz$\pm$1Hz	1		
3	MÁY SIÊU ÂM ĐIỀU TRỊ ĐA TẦN 1. Cấu hình thiết bị: - Máy chính: 01 Chiếc - Dây nguồn: 01 Cái - Tay đỡ đầu phát tích hợp nam châm giữ 01 Cái - Đầu phát siêu âm đa tần 1/3 MHz 5cm²: 01 Cái	1		

STT	Tên Vật Tư TBYT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
	- Gói phần mềm ngôn ngữ Tiếng Việt 01 Bộ - Lọ gel 260 gr: 01 Lọ - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ 2. Thông số kỹ thuật: Tần số phát cho đầu siêu âm là 1 và 3MHz Đầu ra liên tục với công suất tối đa là 3W/cm² Đầu ra xung với công suất tối đa là 3W/cm² Màn hình màu cảm ứng điện dung 7 inch Thư viện lớn gồm các chương trình đã cài đặt sẵn cho các bệnh thường gặp Chương trình tự do cho phép người sử dụng đặt các thông số Khả năng lưu trữ các chương trình/thông số điều trị do người sử dụng đặt Cảnh báo không tiếp xúc bằng cả âm thanh và hình ảnh Thời gian điều trị thực nghĩa là đồng hồ bấm giờ sẽ dừng để phòng sự tiếp xúc không tốt với da Khả năng tích hợp nhiều loại đầu phát siêu âm khác nhau Cơ sở dữ liệu bệnh nhân. Khả năng tạo, lưu các chương trình và chuỗi chương trình. Nguồn cấp: 115-230V Tần số sử dụng: 1MHz/3MHz Tần số xung: 100 Hz với chu kỳ từ 10% đến 100%, 10% mỗi bước chỉnh Các chế độ đầu ra: xung và liên tục Cường độ: 0-3W/cm² chế độ liên tục 0-3W/cm² chế độ xung 1MHz/3MHz, 5 cm²(tiêu chuẩn) Với cảnh báo không tiếp xúc, thích hợp cho việc điều trị dưới nước			

STT	Tên Vật Tư TBYT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
	Thời gian: 0 – 30 phút			
4	MÁY LAZER NỘI MẠCH Kiểu: Semiconductor Laser Bước sóng: 650±5nm Số kênh phát: 02 kênh Công suất laser: Điều chỉnh 1-6 mW/Đầu Điều khiển: Vi điều khiển Hiển thị: Màn LCD Chế độ hoạt động: Liên tục và xung Thời gian điều trị: 1- 99 phút Độ rộng xung: 100-800 ms Đường kính tia laser: 15 - 40 mm Dòng phát laser lớn nhất: 50 mA Điện áp nguồn: 220VAC/(50-60)Hz Lưu trữ thông số hoạt động từng kênh Kích thước: 30 x 20 x 12 cm Trọng lượng: 3.0 kg	1		